



NGUYỄN TRÃI (1380-1442)  
SỞ THƠ VĂN VIỆT - ĐÓN QUÂN VÀO HÀ NỘI

## Những câu chuyện về cuộc đời Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi sinh năm 1380, hiệu là Úc Trai, quê ở Chi Ngại (Chí Linh, Hải Dương) sau dời về Nhị Khê (Thường Tín, Hà Tây). Cha là Nguyễn Phi Khanh, một học trò nghèo, học giỏi, đỗ thái học sinh (tiến sĩ). Mẹ là Trần Thị Thái, con Trần Nguyên Đán, một quý tộc đời Trần.

Lên sáu tuổi, mất mẹ, lên mười tuổi, ông ngoại qua đời, ông về ở Nhị Khê, nơi cha dạy học. Năm hai mươi tuổi, năm 1400, ông đỗ thái học sinh và hai cha con cùng ra làm quan với nhà Hồ. Năm 1407, giặc Minh cướp nước tạ Nguyễn Phi Khanh bị chúng đưa sang Trung Quốc. Nguyễn Trãi và một người em đi theo chăm sóc. Nghe lời cha khuyên, ông trở về, nhưng bị quân Minh bắt giữ. Sau đó, ông tìm theo Lê Lợi. Suốt mười năm chiến đấu, ông đã góp công lớn vào chiến thắng vẻ vang của dân tộc.

Đầu năm 1428, quét sạch quân thù, ông hăm hở bắt tay vào xây dựng lại nước nhà thì bỗng dưng bị nghi oan và bắt giam. Sau đó ông được tha, nhưng không còn được tin cậy như trước. Ông buồn, xin về Côn Sơn. Đó là vào những năm 1438 - 1440. Năm 1440, Lê Thái Tông mời ông trở lại làm việc và giao cho nhiều công việc quan trọng. Ông đang hăng hái giúp vua thì xảy ra vụ nhà vua chết đột ngột ở Trại Vải (Lệ Chi Viên, Bắc Ninh). Vốn chứa thù từ lâu đối với Nguyễn Trãi, bọn gian tà ở triều đình vu cho ông âm mưu giết vua, khép vào tội phải giết cả ba họ năm 1442.

Nổi oan tà trời ấy, hơn hai mươi năm sau, 1464, Lê Thánh Tông mới giải tỏa, rồi cho sưu tầm lại thơ văn ông và tìm người con trai sống sót cho làm quan.

Nhìn chung, ở cuộc đời Nguyễn Trãi nổi lên hai điểm cơ bản sau:

Nguyễn Trãi là bậc đại anh hùng dân tộc và là một nhân vật toàn tài hiếm có của lịch sử Việt Nam trong thời đại phong kiến. Ông có một nhà chính trị, một nhà quân sự, một nhà ngoại giao, một nhà văn hóa, một nhà văn, một nhà thơ tầm cỡ kiệt xuất.

Nhưng Nguyễn Trãi cũng là một người đã phải chịu những oan khiên thảm khốc, do xã hội củ gây nên cũng tới mức hiếm có trong lịch sử.

**+ SỰ NGHIỆP THƠ VĂN:** - Nhà văn, nhà thơ lớn: là anh hùng dân tộc, Nguyễn Trãi còn là nhà văn, nhà thơ lớn. Ông còn để lại nhiều tác phẩm có giá trị. "Quân trung từ mệnh tập" là những thư từ gửi cho các tướng giặc và

những giấy tờ giao thiệp với triều đình nhà Minh, nhằm thực hiện kế “đánh vào lòng”, ngày nay gọi là địch vận. “Bình Ngô đại cáo” lấy lời Lê Lợi tổng kết 10 năm chống giặc, tuyên bố trước nhân dân về chính nghĩa quốc gia, dân tộc, về quá trình chiến đấu gian nan để đi đến chiến thắng vĩ đại cuối cùng giành lại hòa bình cho đất nước. “Lam Sơn thực lục” là cuốn sử về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. “Dư địa chí” viết về địa lý lịch sử nước ta. “Chí Linh sơn phú” nói về cuộc chiến đấu chống giặc Minh gian khổ và anh hùng. Các tác phẩm ấy đều là văn bằng chữ Hán.

Về thơ, có hai tập: “Ức trai thi tập” bằng chữ Hán, “Quốc âm thi tập” bằng chữ Nôm, tức chữ Việt, đó là thơ cả một đời, từ lúc trẻ đến tuổi già, nhiều nhất là khoảng 10 năm tìm đường và thời gian về nghỉ ở Côn Sơn. Nội dung thấy rõ trong đó là tâm tình đối với quê hương, gia đình, với nước, với dân, với bao éo le trong cuộc đời...

– Tình yêu quê hương gia đình: Nội dung thơ văn ông rất phong phú. Đây chỉ nói vắn tắt một vài khía cạnh. Nét đầu tiên là niềm tha thiết với thiên nhiên ở quê hương. Bắt đầu là những cái nhỏ nhặt, tưởng như không đâu, nhưng chan chứa thân thương. Rau muống, mồng tơi, râm bụt, cây chuối, cây đa, cây mía... đều thành văn điệu. Đào, liễu, tùng, trúc cao sang đứng liền bên cạnh rau muống, mồng tơi quê mùa một cách tự nhiên. Không chút gì phân biệt sang hèn. Tất cả đều được lòng ông triu mến. Ông nói một cách trang trọng: “Hái cúc, ương lan, hương bén áo, Tím mai, đập nguyệt, tuyết xâm khăn”, mà cũng vừa vui tươi chân chất: “Ao cạn, vớt bèo cấy muống, Trì thanh, phát cỏ ương sen”. Ông phát hiện ra cái đẹp bình dị rất bất ngờ: Đêm trăng gánh nước thì gánh luôn trăng đem về (“Chè tiên nước ghín nguyệt đeo về”). Bầu trời không mây, trong suốt một màu xanh, ông thấy đó là một bầu ngọc đông lại (“Thế giới đông nên ngọc một bầu”). Thuyền bè chen nhau gối đầu lên bãi, ông nhìn thành một đám tầm lúc nhúc (“Tầm ươm lúc nhúc thuyền đầu bãi”). Con rùa, con hạc, núi, chim, mây, trăng, ông coi là con cái, là láng giềng, là anh em: “Rùa nằm, hạc lẫn nên bầy bạn, U ấp cùng ta làm cái con...”, “Núi láng giềng, chim bầu bạn, Mây khách khứa, nguyệt anh tam”. Có lúc, ông như hòa tan mình vào thiên nhiên đến mức dòng suối, tảng đá phủ rêu, vòm thông tán trúc như hòa nhập với ông làm một: “Côn Sơn có suối rì rầm. Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai, Côn Sơn có đá rêu phơi, Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm, Trong lèn thông mọc như nệm, Tha hồ muôn lọng ta xem chốn nằm, Trong rừng có bóng trúc râm, Giữa màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn”... (Côn Sơn ca – dịch).

Tiếp theo là niềm tha thiết với bà con thân thuộc ở quê nhà. Thời còn giặc Minh, nhiều năm ông phải lẩn tránh khắp nơi, xa nhà, xa quê, xa bà con thân thuộc với bao nỗi buồn rầu. Đêm thu, xa nhà, bên ngọn đèn khuya, ông day dứt: “Gió thu đến, lá rụng rồi. mình vẫn lặn đặng quê người, Đêm mưa,

bên ngọn đèn leo lét, hồn mộng cứ vẫn vợ mãi nơi đất khách” (Đêm thu đất khách – dịch). Tiết Thanh minh đến, theo tục, con cháu phải về thăm mồ mã ông bà, sửa sang, bồi đắp, thắp nén hương tưởng nhớ, cho đúng đạo làm con cháu, thế mà đã bao năm ông không về được. Ông chỉ nảo lòng: “Thân mình xa ngàn dặm, mồ mã ông bà ở quê không sao giẫy cỏ thắp hương, Mười năm đã qua, những người ruột thịt, quen thân cũ đã chẳng còn ai, Đành mượn chén rượu ép mình uống, không cho lòng cứ ngày ngày xót xa nỗi nhớ quê” (Thanh minh – dịch).

Ông mất mẹ lúc mới lên sáu. Lòng con thương mẹ càng nồng. Ông bà ngoại, cậu, dì đều ở Côn Sơn. Quê nội nhiều đời cũng ở đó. Một lần đi thuyền về thăm, ông ôn lại bao nỗi đắng cay trong những ngày lưu lạc. Nghe sao mà tha thiết: “Mười năm rồi mình trôi dạt như cánh bèo, Đêm ngày nỗi nhớ quê cứ như giày vò trong lòng, Bao lần đã gửi hồn tìm về quê cũ, Nhưng rồi đành nhỏ nước mắt thấm máu mà gội rửa trong tưởng tượng năm mồ mẹ, mồ mã ông bà, còn xóm làng, bà con, trong lúc giặc giày xéo thì tránh sao được những hành vi bạo tàn của chúng! mà mình thì cứ đang phải thương xót sông, Trời: biết làm sao đây! Một đêm trôi qua bên gối, không cách nào nhắm mắt được” (viết trên thuyền về Côn Sơn – dịch).

– Đời sống trong sạch, suốt đời một lòng vì nước vì dân: Trở về với nông thôn, ông yên lòng và tự hào: “Quê cũ nhà ta thiếu của nào, Rau trong nội, cá trong ao”. Cây cà là niềm vui: “Một cà một cốc thú nhà quê, Áng chúc lan chen vãi đậu kê”. Người dân bùn lấm đáng được biết ơn: “Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cà”. Cuộc sống giản dị, nghèo mà thanh: “Bữa ăn dầu có dưa muối, Áo mặc nài chi gấm là”, “Hài cỏ đẹp chân đi đủng đỉnh, Áo bô quen cật vận xềnh xoàng”, xa lánh chốn lợi danh nham hiểm: “Co qoe thay bầy ruột ốc, Khúc khuỷu làm chi trái hòe”. Ông ca ngợi chi tiết của tùng, trúc, mai, ba cây không chịu khuất phục trước giá lạnh mùa đông và ông luôn giữ một tấm lòng trong sạch, một tấm “lòng thơm”.



Lòng thơm ấy là lòng yêu nước thương dân. Có khi ông gọi đó là “lòng trung hiếu”, “lòng ưu ái”. Nó suốt đời sôi nổi: “Bui có một lòng trung liễn hiếu, Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen”, “Bui một tấc lòng ưu ái cũ, Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông”. Nó dựa trên lý tưởng nhân nghĩa. Nhân nghĩa là một tư tưởng cao quý xuyên thắm cuộc đời và thơ văn ông. Đối với ông, nhân nghĩa là “yên dân”, “trừ bạo” hay “Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược”. Được như vậy mới thực sự “Có nhân, có trí, có anh hùng”. Nhân trí, anh hùng ấy thuộc lòng yêu nước cao cả của ông, yêu nước bằng tư tưởng, tình cảm, bằng hành động

cứu nước lo dân tuyệt vời. Nói cụ thể như : “cái nhân, cái nghĩa lớn nhất là phần đấu đến cùng chống ngoại xâm, diệt bạo tàn, vì độc lập của nước, hạnh phúc của dân”. Đất nước bị ngoại xâm, nó hiện thành lòng lòng căm thù giặc cao độ và ý chí kiên trì, gang thép tiêu diệt quân thù: “Căm giặc nước thề không cùng sống”, “Nắm mật nắm gai, há phải một sớm hai tối, Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh”. Quân giặc quét sạch rồi, nó là khát khao xây dựng một đất nước hưng thịnh, nhân dân đời đời ấm no hạnh phúc: “Xã tắc từ đây bền vững, Giang sơn từ đây đổi mới...., Muôn thưở nền thái bình vững chắc”.

### **Nguyễn Trãi – Ngôi sao Khuê của văn hóa Việt Nam :**

Nguyễn Trãi, sinh ở Thăng Long trong gia đình ông ngoại là quan Đại tư đồ Trần Nguyên Đán. Cha ông là Nguyễn Ứng Long, hiệuỨc Trai (tức là Nguyễn Phi Khanh). Mẹ ông là Trần Thị Thái, con gái Trần Nguyên Đán.

Năm Nguyễn Trãi lên 5 tuổi, mẹ ông mất. Sau đó không lâu, Trần Nguyên Đán cũng mất. Ông về ở với cha tại quê nội ở làng Nhị Khê.

Năm 1400, để cứu vãn chế độ phong kiến đang khủng hoảng trầm trọng, Hồ Quý Ly lật đổ nhà Trần và tiếp tục thi hành các cải cách như chính sách hạn nô, hạn điền, tổ chức lại giáo dục, thi cử và y tế.

Cũng năm 1400, sau khi lên ngôi Vua, Hồ Quý Ly mở khoa thi. Nguyễn Trãi ra thi, ông đỗ Thái học sinh (tiến sĩ) năm ông 20 tuổi. Hồ Quý Ly cử ông giữ chức Ngự sử đài chánh chưởng. Còn cha ông là Nguyễn Phi Khanh đỗ bảng nhãn từ năm 1374, được Hồ Quý Ly cử giữ chức Đại tư khanh Thị lang tả trung thư kiêm Hàn lâm Viện học sĩ tư nghiệp Quốc Tử Giám.

Năm 1406, Minh Thành Tổ sai Trương Phụ mang quân sang xâm lược Việt Nam. Nhà Hồ đem quân ra chống cự, nhưng bị đánh bại. Cha con Hồ Quý Ly và một số triều thần trong đó có Nguyễn Phi Khanh bị bắt và bị đưa về Trung Quốc.

Nghe tin cha bị bắt, Nguyễn Trãi cùng em là Nguyễn Phi Hùng khóc theo lên tận cửa Nam Quan với ý định sang bên kia biên giới để hầu hạ cha già trong lúc bị cầm tù.

Nhân lúc vắng vẻ, Nguyễn Phi Khanh bảo Nguyễn Trãi:

– Con là người có học, có tài, nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Như thế mới là đại hiếu. Lọ là cứ phải đi theo cha, khóc lóc như đàn bà mới là hiếu hay sao?

Nguyễn Trãi nghe lời cha quay trở lại tìm con đường đánh giặc, cứu nước.

Về đến Thăng Long, ông bị quân Minh bắt. Thượng thư nhà Minh là Hoàng Phúc biết Nguyễn Trãi là một nhân vật có tài, tìm cách dụ dỗ, nhưng ông kiên quyết không theo giặc.

Sau một thời gian bị giam lỏng ở Đông Quan (tức Thăng Long), Nguyễn Trãi vượt được vòng vây của giặc vào Thanh Hóa theo Lê Lợi. Ông gặp vị thủ lĩnh nghĩa quân Lam Sơn ở Lỗi Giang. Ông trao cho Lê Lợi bản chiến lược đánh đuổi quân Minh mà sử sách Việt Nam gọi là Bình Ngô sách.

Trong bài tựa Ức Trai di tập, Ngô Thế Vinh cho biết: Bình Ngô sách “hiển mưu chước lớn không nói đến việc đánh thành, mà lại khéo nói đến việc đánh vào lòng người”.

Lê Lợi khen chiến lược của Nguyễn Trãi là đúng. Và ông đã vận dụng chiến lược này để đánh quân Minh. Từ đây, ông thường giữ Nguyễn Trãi gần bên mình để cùng bàn mưu tính kế đánh quân Minh.

Cuối năm 1426, Lê Lợi lập bản doanh ở bến Bồ Đề (Gia Lâm). Tại đây, ông cho dựng một cái chòi cao ngang bằng tháp Báo Thiên ở Đông Quan. Lê Lợi ngồi tầng thứ nhất của chòi, Nguyễn Trãi ngồi tầng thứ hai. Hai nhân vật luôn luôn trao đổi ý kiến với nhau.

Trong kháng chiến, Nguyễn Trãi chủ trương phải dựa vào dân thì mới đánh được giặc, cứu được nước. Khi kháng chiến đã thắng lợi, ông cũng thấy rằng phải lo đến dân, thì mới xây dựng được đất nước. Trong tờ biểu tạ ơn được cử giữ chức Giám nghị đại phu tri tam quân sự, ông đã viết: “Chí những muốn, việc cổ nhân ỉa muốn: để tâm dân chúng, mình lo trước điều thiên hạ phải lo”.

Năm 1437, khi vua Lê Thái Tông cử ông định ra lễ nhạc, ông cũng nói cho vua biết những điều mà vua phải làm trước hết là chăn nuôi nhân dân:

– Dám mong Bệ hạ rủ lòng yêu thương và chăn nuôi muôn dân khiến cho trong thôn cùng xóm vắng, không có một tiếng hờn giận oán sầu. Đó tức là giữ được cái gốc của nhạc.

Do luôn luôn “lo trước điều thiên hạ phải lo, vui sau cái vui của thiên hạ”, Nguyễn Trãi lúc nào cũng sống một cuộc đời giản dị, cần kiệm liêm chính. Nhà của ông ở Đông Kinh (Thăng Long) chỉ là một túp nhà tranh (góc thành

Nam lều một gian). Khi ông cai quản công việc quân dân ở hải đảo Đông Bắc, nhà của ông ở Côn Sơn “bốn mặt trống trải, xác xơ chỉ có sách là giàu thôi” (thơ Nguyễn Mộng Tuân, bạn Nguyễn Trãi).

Bài Bình Ngô đại cáo của ông là một “thiên cổ hùng văn”. Đó là một thiên anh hùng ca bất hủ của dân tộc.

Quân trung từ mệnh tập của Nguyễn Trãi là những thư từ do ông viết trong việc giao thiệp với quân Minh. Những thư này là những tài liệu cụ thể chứng minh đường lối ngoại giao vào địch vận hết sức khéo léo của Lê Lợi và Nguyễn Trãi làm cho quân Lam Sơn không mất xương máu mà hạ được rất nhiều thành.

Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi là tác phẩm xưa nhất bằng Việt ngữ mà chúng ta còn giữ được. Tác phẩm này rất quan trọng cho công tác nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam và lịch sử ngôn ngữ Việt Nam.

Năm 1442, cả gia đình ông bị hãm hại (tru di tam tộc) khiến cho người đương thời vô cùng thương tiếc.

Năm 1464, vua Lê Thánh Tông hạ chiếu minh oan cho Nguyễn Trãi, truy tặng quan tước và tìm hỏi con cháu còn sót lại.

Nguyễn Trãi là một nhân vật vĩ đại trong lịch sử Việt Nam. Ông là anh hùng dân tộc, là nhà tư tưởng, nhà thơ, nhà văn hóa lớn của nước ta. Tâm hồn và sự nghiệp của ông mãi mãi là vì sao sáng như Lê Thánh Tông truy tặng “Úc Trai tâm thượng quang Khuê Tảo”.

### **Nguyễn Trãi – Bền gan nuôi chí lớn :**

Năm Đinh Hợi (1407) tháng bảy, sau khi chiếm được nước ta, Trương Phụ sai bọn Liễu Thăng, Lỗ Lân giải cha con Hồ Quý Ly và gia quyến, tướng tá về Kim Lăng (Nam Kinh). Cha ông là Nguyễn Phi Khanh làm chức Tự Khanh cũng bị bắt đem đi chuyến ấy. Ông và em là Nguyễn Phi Hùng lẽo đẽo đưa cha đến ải Pha Luỹ (Hữu nghị quan), khóc lóc xin theo chân để phụng dưỡng. Nguyễn Phi Khanh vẫy tay gọi Nguyễn Trãi, ứa nước mắt nói:

– Con là người có học, có tài nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha, như thế mới là đại hiếu. Lọ là cứ phải theo cha khóc lóc mới là có hiếu sao!

Nguyễn Trãi nghe rồi lạy hai lạy xin vâng lời.

Về đến Đông Quan, quân Minh biết Nguyễn Trãi từng là triều quan của Hồ Quý Ly bèn bắt điệu đến Án sát ty. Viên Thượng thư Hoàng Phúc coi cả Đô ty và Án sát ty đang nghị bàn công việc với viên Tổng binh Trương Phụ. Thấy lính giải Nguyễn Trãi đến trước mặt, Trương Phụ giật mình, liền ghé tai Hoàng Phúc nói nhỏ:

– Tên này mặt mũi khôi ngô rõ ra người có tài đức, văn hay học rộng, am hiểu thư toán. Gân sức nó cứng rắn, chí nó không phải nhỏ, nếu không sớm trừ đi, sau này tất sẽ là mối họa khôn lường.

Đoạn, thét quân lính ra chém. Hoàng Phúc cả cười, nhìn Nguyễn Trãi rồi bảo với Trương Phụ rằng:

– Một tên học trò trói gà không chặt thế kia sao có thể là mối lo của nước được! Tổng binh quá lo xa. Nay Giao Chỉ mới nhập vào bản đồ, việc phủ dụ chiêu an để yên lòng dân man là việc trọng. Tha tội chết cho nó, giam lỏng ở Đông Quan, lấy danh lợi quan tước và võ về chiêu dụ là kế hay hơn cả. Sau này, nếu nó không chịu qui phục, lại theo đảng nghịch, bấy giờ lấy pháp luật mà trị tội cũng chưa muộn.

Trương Phụ cực chẳng đã đành nghe theo. Hoàng Phúc thả Nguyễn Trãi ra, cho ở góc Nam bên ngoài thành Đông Quan. Ông dựng một túp lều tranh bên cái ao nhỏ. Nhà lều một căn tuềnh toàng, đạm bạc, chó không cần nuôi, người hầu không có. Ông sống như thế ngót chục năm trời. Quân Minh năm lần bảy lượt đem tiền bạc, quan tước rất hậu đến nhử, ông đều ôn tồn từ chối. Bấy giờ, ông có thơ rằng:



*"Góc thành Nam, lều một gian  
No nước uống, thiếu cơm ăn ..."*

Đông Quan là đất xung yếu của giặc ở Đại Việt. Lòng dạ ý đồ giặc thế nào, giặc xử sự động tĩnh ra sao đều ở đây mà ra. Đông Quan cũng là nơi phơi bày rõ nhất mọi điều rông rỡ bạo ngược của giặc, cũng như mọi gan ruột dân tình chốn kinh sư. Chỗ mạnh chỗ yếu của giặc đều ở trong con mắt lỗ tai của Nguyễn Trãi. Ông ngày đêm ngẫm nghĩ suy xét và bí mật viết sẵn phương lược, gọi là " Bình Ngô sách".

Biết Nguyễn Trãi không chịu nhận chức ngụy quan, cũng chẳng phải là người phần chí ngã lòng đi ở ẩn như Bùi Úng Đầu, Lý Tử Cấu, mà ngấm ngấm nuôi chí lớn, Hoàng Phúc luôn miệng dặn bọn thủ hạ phải canh chừng:

– Trãi không phải người tầm thường. Lỡ ra để sống, sau này tai vạ tất không thể tránh khỏi! "

Nguyễn Trãi – Đi tìm minh chủ :

Một hôm, theo lời mật hẹn với người em họ ngoại là Trần Nguyên Hãn bấy giờ đang cầm đầu toán nghĩa quân ở Lập Thạch (Vĩnh Phú), Nguyễn Trãi lên ra ngoại thành, lên Thụy Hương tục gọi là Làng Chèm (Từ Liêm, Hà Nội). Ông vào ngồi đợi Hãn ở đền thờ Hy Khang đại vương Lý Ông Trọng. Vừa lúc, Hãn giả là người bán dầu cũng đến. Hai anh em bàn tính:

– Bây giờ, người nổi binh dấy nghĩa thì nhiều nhưng đều là hạng tầm thường cả. Đến như Giản Định, Trưng Quang tuy là tôn thất xưng đế dựng cờ vì không biết nắm quyền, chưa qua sông đã chặt cầu, giết hại đại thần nên tổn sức mà không thành công. Nghe nói có ông Lê Lợi ở trại Lam Sơn, đất Thanh Hóa là người có chí lớn, biết chiêu hiền đãi sĩ. Ai cũng bảo ông là rồng vàng đang chờ hội mây mưa, ta nên tìm đến mà tôn phò.

*Anh em gặt gù đặc ý, bấm nhau đi năm, chờ sáng mai cùng đi.*

Hôm sau, mới tờ mờ sáng, hai anh em vội kéo nhau đi ngay. Trèo đèo lội suối, trốn tránh quân Minh gần tháng trời thì đến trại Lam Sơn, xin ra mắt. Trại chủ Lam Sơn tiếp đón ân cần và giữ lại làm khách trong nhà. Hai anh em ở ít lâu, đêm ngày để tâm dò xét, vẫn chẳng thấy Lê Lợi đã động gì đến chuyện dấy binh. Chỉ thấy Lê Lợi hay vắng nhà mà khách khứa bốn phương vẫn ra vào tấp nập; dầu thắp, gạo ăn còn đầy kho vẫn thấy Lê Lợi sai mua; cày cuốc đã đủ, đã nhiều vẫn thấy Lê Lợi sai người tìm thêm sắt. Lại thấy Lê Lợi hay sai người đem lễ vật lo lót với quan quân Minh quanh vùng. Bởi thế, Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn bụng rất phân vân.



Một hôm, nhà Lê Lợi có giỗ. Hai anh em có việc xuống bếp, bất ngờ gặp Lê Lợi quần vén lên tận đùi đang ngồi thái thịt vừa thái vừa ăn chẳng ra tinh tướng một vị thiên tử. Anh em đều thở dài bảo nhau:

– Ta làm rồi!

Đoạn bầm nhau hẹn ngày bỏ đi. Đêm ấy, chợt thấy Lê Lợi xách gươm lén ra khỏi nhà, Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn nghi hoặc bèn lẳng lặng theo chân. Đến núi Du Sơn, Lê Lợi lén vào một hang rộng có ánh đèn. Trong hang, người đông lỗ nhố, xúm quanh tảng đá lớn làm bàn, cùng Lê Lợi nhỏ to bàn bạc. Lê Lợi giở cuốn binh thư đọc, giọng sang sảng, đĩnh đạc sau lại cùng mấy người chụm đầu bàn tính. Hồi lâu Lê Lợi nói:

– Phải đến năm Hợi (1419) mới nổi binh được.

Vốn là người giỏi mưu lược, sát binh tình nay thấy Lê Lợi dự kiến sai, Nguyễn Trãi quên mình đang nghe trộm, buột miệng vọng vào nói lớn:

– Chúa công tính lầm rồi!

Lê Lợi giật mình, tuốt gươm xông ra toan chém, Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn vội phục xuống nói:

– Chúng tôi từ xa lặn độn tìm đến, chỉ vì chúa công là người có thể lấy lại được thiên hạ.

Lê Lợi đỡ hai người dậy, hỏi họ tên rồi vội vàng cầm tay dắt vào trong hang. Nguyễn Trãi xin hiến “ Bình Ngô sách” còn Trần Nguyên Hãn thì dâng thanh bảo kiếm gia truyền của ông tổ bảy đời là Trương quốc Thái úy Thượng tướng Trần Quang Khải. Lê Lợi mừng rỡ khôn xiết, cả cười mà rằng:

– Thực là trời không muốn cho dân Đại Việt ta mất nước nên mới đem các ông đến đây ban cho ta!

Đoạn, lưu hai người lại, mưu việc khởi binh.

### **Nguyễn Trãi – Tướng đánh tâm công :**

Ít hôm sau, người khắp vùng xôn xao về một chuyện lạ. Nhiều thân cây, lá cây đều có hàng chữ “ Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm tôi”. Dân chúng ai nấy đều mừng thầm, ghé tai vào nhau bảo nhỏ:

– Trời đã cho nước Nam có chủ. Ta đi tìm ông Lê Lợi mà tôn phù thôi.

Việc sửa soạn dấy nghĩa nhân thế gặp nhiều thuận lợi. Người các nơi ùn ùn theo về, đông lắm. Lê Lợi biết chuyện rất đẹp lòng, mới bảo tướng tá:

– Biết đánh vào lòng người như vậy tất không ngoài mưu kế của Nguyễn Trãi.

Sau gọi lên hỏi quả nhiên như vậy: Nguyễn Trãi đã lấy mật viết vào lá cây, kiến theo đó đục thành chữ; người người không biết tướng thần bảo, đều tin lắm.

Từ đấy cho đến khi lấy xong được nước, Lê Lợi rất yêu quý Nguyễn Trãi. Đánh đông dẹp bắc, đi đâu ông cũng giữ Nguyễn Trãi bên mình làm quân sư. Mọi việc mưu lược, viết thư, thảo hịch hết thảy đều do Nguyễn Trãi trù tính.

Bấy giờ là vào năm Quý Mão (1423), tổng binh Trần Trí chỉ huy đại binh từ Đông Quan kéo vào đánh nghĩa quân đang hoạt động ở huyện Khôi và huyện Xa Lai (giáp giới Hà Sơn Bình – Hà Nam Ninh). Thế giặc rất mạnh, quân đông có tới trăm ngàn. Nghĩa quân phải lui về núi Chí Linh lần thứ ba. Giặc đuổi theo, rải quân bủa vây kín bốn mặt. Suốt hai tháng trời bị vây hãm, lương thực kiệt dần, măng non rau củ trong rừng cũng cạn. Lê Lợi phải cho giết cả bốn thớt voi để nuôi quân. Có con ngựa vua cưới cũng đem thịt nốt. Quân sĩ đói quá, đã có người bỏ trốn. Một viên tướng tên là Khanh cũng bỏ trốn. Lê Lợi bắt được phải đem chém rao cho mọi người biết để làm răn. Tình thế cực kỳ bức bách. Tướng sĩ mới nói với Lê Lợi:

– Giặc mạnh ta yếu, thế như trứng chọi với đá, tất không tránh khỏi họa diệt vong. Nay giặc đang muốn dụ hàng, bất nhược ta hãy nhân đó mà tạm hòa ít lâu để có thì giờ nghỉ ngơi sửa soạn, sau lại đánh cũng không muộn.

Lê Lợi nói:

– Ta cũng đã tính tới chuyện đó. Hiềm vì nổi, giặc mười phần năm chắc chín phần thắng ta, nên không dễ chịu lui binh giảng hòa. Bởi thế, phải có người ăn nói thật khéo, viết thư thuyết phục, mới may thoát khỏi thế quần bách này. Việc ấy phi Nguyễn Trãi không ai làm nổi.

Nguyễn Trãi bước ra lĩnh mệnh thảo “Thư tố oan” (tức thư giả xin hàng). Lại viết riêng một thư gửi tổng binh Trần Trí, một thư gửi Thái giám Sơn Thọ, trung sứ của vua Minh sang dụ hàng. Lê Lợi sai anh vợ là Trần Vận và tướng

Lê Trần đem các thư ấy và năm đôi ngà voi làm lễ vật cầu hòa. Tổng binh Trần Trí tiếp thư mới đem cho tướng tá nghị bàn. Thư viết:

Tri huyện Đồ Phú là người đồng hương cùng tôi có hiềm khích. Nó đút lót với tham chính Lương Nhữ Hốt nói vu cho tôi. Nhữ Hốt báo với quan quân binh. Nội quan Mã Kỳ nhân đó cho quan quân đến đánh úp bộ chúng của tôi không kể trẻ già đều chém giết bắt bớ; họ hàng tôi đều tan tác, vợ con tôi đều chia lìa; lại khai quật mồ mả tổ phụ tôi mà phơi bày hài cốt ...”

Nghe thư, Mã Kỳ bị chàm nọc đập bàn quát lớn:

– Xin hàng gì mà toàn là lời tố cáo láo xược!

Trần Trí can:

– Chấp gì chuyện ấy. Ông chớ vì một lời nói mà để hỏng việc lớn. Nay nội địa đang bị khốn đốn: trong thì thiên tai dân biển; ngoài thì liền năm xuất chinh cự quân Ngõa Thích ở phía Tây, chống quân Thát Đát ở phía Bắc. Hoàng đế đã truyền phải cố sức dụ hàng Lê Lợi cho Giao Chỉ tạm yên, để chuyên tâm lo việc nội địa. Tôi xem thư thấy viết: :” Xin hoặc cho đi đánh Bắc để lập công hoặc cho theo dẹp Tây để chuộc tội dù chết cũng không từ” . Như thế là Lê Lợi biết rõ chuyện nội địa. Nay nếu bị bức bách quá, bọn chúng tất phải liều chết đánh mãi; quan quân phải đi đánh dẹp hao binh tổn tướng, nạn ấy không biết bao giờ mới dứt, còn ta thì thêm mang tội trái mệnh dụ hòa của hoàng đế.

Sơn Thọ cũng nói:

– Xem thư viết: “Tôi từ sinh ra thích danh tiết mà trọng nhân nghĩa ghét tiểu nhân mà dấn mình vào hoạn nạn tuy ở trong cảnh gian nan nguy hiểm mà không nhụt chí bình sinh” Đủ biết Lê Lợi là không phải kẻ lấy uy vũ mà khuất phục được. Nên cho hàng.

Mã Kỳ đành nghe theo. Thế là, chỉ một khắc xắn tay múa bút, Nguyễn Trãi đã đánh lui cả mười vạn quân Minh để nghĩa quân rảnh tay sửa soạn, đợi thời cơ, chờ dịp tốt sẽ rửa sạch thẹn cũ, lấy lại bờ cõi xưa.

Từ bấy giờ, theo chân nghĩa quân Nguyễn Trãi tung thư chiêu dụ khắp mặt các tướng suý nhà Minh từ bọn Trần Trí, Sơn Thọ, Phương Chính, Lý An, Vương Thông, Thái Phúc, Đà Trung, Mã Anh, Mã Kỳ đến bọn Lương Minh, Hoàng Phúc, Mộc Thạnh, Liễu Thăng cùng bọn nguy quan. Văn chương của

ông đánh mạnh vào lòng người, thu phục được nhân tâm quân Minh. Không mất một mũi tên hòn đạn mà giặc ở các thành Trà Long, Diễn Châu, Nghệ An (đều ở Nghệ Tĩnh), Diêu Diêu (Gia Lâm, Hà Nội), Thị Cầu (Hà Bắc), Tam Giang (Vĩnh Phú) đều lần lượt cởi giáp ra hàng. Nguyễn Trãi – Một đời vì nước vì dân :

Khi lấy xong thiên hạ, Lê Lợi lên ngôi báu. Tháng một năm Mậu Thân (1428). Lê Thái Tổ thiết triều, hội các quan văn võ lại luận bàn ân thưởng, phong Trần Nguyên Hãn làm Tả tướng quốc, ban Nguyễn Trãi tước Quang Phục hầu và cho giữ chức Nhập nội hành khiển.

Tuy được phong thưởng quan cao chức trọng nhưng cả hai anh em đều không thật yên lòng. Một lần, Trần Nguyên Hãn nói với Nguyễn Trãi:

– Vua ta có tướng như Việt Vương Câu Tiễn, không thể cùng hưởng phú quý được.  
Nguyễn Trãi bảo:

– Ta cũng sợ nhà vua đối đãi với bề tôi như Hán Cao Tổ với Hàn Tín ngày xưa.

Anh em đều thở dài. Bấy giờ, vua Lê Thái Tổ hay bệnh tật ốm đau, con trưởng là Tư Tề thì ngu dốt ngông cuồng, con thứ là Nguyên Long thì còn nhỏ tuổi. Bởi thế, vua đem lòng lo sợ cho ngôi báu mà nghi các công thần danh tiếng. Quả nhiên, năm sau, Lê Thái Tổ sai bốn mươi hai lực sĩ về trại Sơn Đông (Vĩnh Phú), nơi Trần Nguyên Hãn cáo quan lui về ở ẩn, bắt về kinh trị tội. Phạm Văn Xảo cũng là một khai quốc công thần nhưng Xảo gốc người ở kinh đô, lại có danh vọng đối với mọi người, vua Thái Tổ sợ sau sinh biến nên cũng ra lệnh giết nốt. Nguyễn Chích thì bị cách chức về làm dân thường. Còn Nguyễn Trãi bị tước hết quan tước tổng ngục.

Ít lâu sau, áng chừng thấy Nguyễn Trãi lòng dạ ngay thẳng khó đem xử tội, vua Thái Tổ mới tha ra, cho phục chức như cũ. Nguyễn Trãi nhận chức nhưng trong bụng không vui, nhân nói với người thân:

– Ta theo hoàng thượng nếm mật nằm gai, hơn mười năm một lòng tôn phò. Giờ việc nước đã thành, vua thì ngờ vực bề tôi, giết hại công thần, kẻ thân yêu thì cho vinh hiển, người xu nịnh thì được tin dùng. Khanh tướng thì lập đảng riêng tây, triều đình thì thiếu người can gián, ai nấy chỉ lo sướng thân lợi nhà, không nghĩ đến khổ dân hại nước. Nhớ xưa ở Lam Sơn đọc sách binh; đang lúc đó, chí ta đã để nơi dân đầu xanh kia. Bởi thế, ta ra dự việc nước, gắng sức chèo chống, may ra dân lành bớt phần khổ nhục.

Một hôm, vua Thái Tổ cho vời Nguyễn Trãi đến hỏi:

– Nghĩa lớn mới thành, việc nước việc quân đều chưa quen thạo, làm cách nào để yên dân mở nước?

Nguyễn Trãi tâu:

– Hòa thuận trong nhà nhớ giữ một lòng thân ái, thương yêu dân chúng hãy làm những việc nhân đức, đừng vì ơn riêng mà thương bậy, chớ vì giận mình mà phạt bừa; đừng thích tiền của mà xa xỉ bừa bãi, đừng gần thanh sắc mà suồng sã hoang dâm, cho đến việc dùng nhân tài nghe can gián, ra một chính sách một mệnh lệnh, phát một lời nói, một việc làm đều phải đúng mực, hợp với lẽ thường, có thể, trên mới đáp ứng được ý trời, dưới mới thỏa mãn được lòng dân, quốc gia mới yên ổn bền vững lâu dài.

Đoạn, Nguyễn Trãi lại tâu:

– Mến người có nhân là dân, mà như con sông chở thuyền và lật đổ thuyền cũng là dân. Giúp người có đức là trời, nhưng khó tin và rất hay thay đổi cũng là trời. Dám mong bệ hạ siêng năng giữ gìn những việc kính trời chăm dân, chớ nên xem thường.

Lê Thái Tổ gật đầu khen phải rồi hỏi:

– Nay đấng đại thần tổng quản và quan lại ở các Viện, Sảnh, Cục tham ô lười biếng nên răn dạy thế nào?

Nguyễn Trãi tâu:

– Phàm người có chức vụ coi quản trị dân đều phải dùng phép công bằng, làm việc cần mẫn, hết lòng thờ vua, hết sức chăm dân, bỏ thói tham ô, trừ tệ lười biếng, bè đảng riêng tây phải bỏ, thái độ cố phạm phải chữa, coi công việc nước như công việc của chính mình lấy điều lo của dân làm điều lo cho bản thân. Xin bệ hạ xuống chiếu răn bảo nghiêm cấm; nếu ai không nghe không sửa ấy là kẻ đó tự huỷ diệt mình.

Lê Thái Tổ rất vừa ý, thậm chí khen Trãi thẳng thắn cương trực. Nhưng bấy giờ vua hay ốm đau mệt mỏi, bọn Lê Sát, Lê Văn dèm pha xu nịnh, lấn lướt người ngay, thâm độc quyền hành lập vây cánh, Nguyễn Trãi thấy thế đành thở dài. Có lần, nhân dạo chơi ngoài thành chợt nghe dân nhỏ to bàn tán, một người nói:

- Trên thì tế tướng, dưới thì trăm quan hòa nhau kiếm lợi, hối lộ công hành.

Một người tên là Cao Sư Đãng cũng nói:

- Thiên tử thì thất đức, đại thần thì hối lộ, dùng toàn là kẻ vô công, có làm điều thiện nào đâu!

Nghe vậy, Nguyễn Trãi bèn quay gót, biết thế không thể dừng được, mới dâng biểu xin cáo quan lui về Côn Sơn (Hải Hưng) sống cuộc đời thanh đạm giản dị. Ngày đêm đọc sách ngâm thơ, thưởng trăng ngắm hoa nhưng lòng Nguyễn Trãi vẫn không vui; hề nghĩ đến non sông mờ mịt, muôn dân sầu khổ thì không cầm nước mắt, nên có thơ rằng:

*" Say mùi đao, trà ba chén  
Tả lòng phiền, thơ bốn câu" .*

Đỗ Mong Tuấn, người bạn đồng khoa với Nguyễn Trãi có lần đến Côn Sơn thăm đã nói:

- Nhà quan tri tam quán sự sao mà lạnh lẽo như một dòng nước. Bốn vách tường trống trải xơ xác, chỉ được cái giàu sách vở.

Nguyễn Trãi tuy đem thân gửi chốn suối rừng nhưng cũng là miễn cưỡng. Bởi thế, chí ông vẫn để ở nơi dân nước. Tấm lòng ưu ái ấy chẳng lúc nào khuây. Ông thường mượn thơ để gửi niềm trung phần:

*"Ao quan thả một bè rau muống  
Đất bụi ương nhờ một luống mùng  
Còn có một lòng âu việc nước  
Đêm đêm thức nhắm nẻo sơ chung"*

Lê Thái Tổ mất. Trước khi băng hà, chùng hối tiếc về lỗi lầm đối với Nguyễn Trãi nên vua di mệnh lại cho thái tử Nguyên Long nên dùng Nguyễn Trãi. Nguyên Long nối ngôi, tức Lê Thái Tông bèn xuống chiếu vời Trãi về kinh. Ông lập tức tiến triều, vào chầu trước bệ tâu rằng:

- Thần tài sơ đức mỏng, tóc bạc lòng son, tưởng gửi năm xương tàn nơi quê cũ, may được dịp mây trời ban xuống truyền gọi trở ra. Bệ hạ thương thần như con ngựa già còn kham được roi quất, dẫn bước phi lên. Chí thần những muốn bắt chước người xưa lập chí, lòng thần yêu dân chúng nên thường hay

lo trước việc thiên hạ chưa lo. Nguyên dốc lòng phơi tẩm gan trung, xin bệ hạ cứ bền tín nhiệm.

Tiểu thay, Thái Tông mới mười tuổi, việc nước đều do Lê Sát chấp chính chuyên quyền định đoạt khiến Nguyễn Trãi không sao thi thố tài năng để mưu việc ích nước lợi dân. Năm ấy (1434), Thái Tông sai Nguyễn Trãi viết biểu sang nhà Minh cầu phong. Viên nội mật viện Nguyễn Thúc Huệ và Học sĩ Lê Cảnh Xước ý thể là tay chân của Đại tư đồ (tể tướng) Lê Sát, đòi đổi mấy chữ, Nguyễn Trãi quắc mắt mắng luôn:

– Việc chăm dân sao không lo làm? Hiện nay trong nước đương hạn hán, mà có tai nạn ấy chính là tự lỗi các ông. Các ông chỉ là đồ thích sưu cao thuế nặng, vơ vét của dân cho nhiều nên trời mới giáng tai tỏ ý trừng phạt!

Thúc Huệ khi làm tham tri Bắc đạo đã bòn rút vơ vét của dân, làm cho dân một lộ xơ xác hết cả tiền của. Nay Huệ thấy Trãi nói vậy thì giật mình, cảm lắm mới đem câu nói ấy mách với Lê Sát, Lê Vấn. Vấn tức tối, hạch Nguyễn Trãi:

– Gây ra tai nạn không phải lỗi bọn ty thuộc, mà chính là bởi vua và tướng. Sao ông lại nặng lời như thế?

Nguyễn Trãi đáp:

– Thúc Huệ là kẻ tài thì tầm thường mà lại hay có thói bòn vét. Hắn ở địa vị then chốt, mỗi khi có việc tâu bày chỉ thấy bàn sự đục khoét của dân cho nặng để làm giàu của kho, cốt làm vui lòng vua.

Bọn Lê Vấn biết Nguyễn Trãi chẳng phải tay vừa, đành bấm bụng làm ngơ. Mấy năm sau, Thái Tông sai Nguyễn Trãi và viên quan hoạn Lương Đăng soạn lễ nhạc dùng trong các nghi lễ của triều đình. Đón được ý vua, Đăng bày vẽ nhiều thứ nhã nhạc, chế định lắm thứ nghi thức, yến tiệc, phiến hà tốn kém. Nguyễn Trãi bèn vào triều gặp vua can gián.

– Thời loạn dùng võ, thời bình dùng văn. Nay chế định lễ nhạc thật là đúng thời vậy. Nhưng nếu cội gốc không vững thì lễ nhạc không dựa vào đâu mà đứng được. Nguyên xin bệ hạ yêu thương nuôi dưỡng lấy dân chúng, khiến cho trong xóm làng không có tiếng oán hận sâu than. Đó chính là cái gốc của nhạc vậy.

Vua nín lặng không nói sao, vẫn để Lương Đăng chế định. Nguyễn Trãi và một số triều thần như Đào Công Soạn, Nguyễn Truyền, Nguyễn Liễu thấy

thể mới họp nhau cùng dâng sớ can vua. Vua không nghe, Đấng càng được thể lẫn lướt, Liễu giận quá chỉ mặt Đấng mắng:

– Từ xưa tới nay, chưa có bao giờ hoạn quan lại được tự chuyên làm nát thiên hạ như vậy!

Chẳng ngờ, Đấng là tay chân của bọn Lê Sát nên Sát bệnh mới dèm pha xúc xiểm, khiến Thái Tông bắt tội Liễu thích chữ vào mặt đày đi nơi xa. Nguyễn Trãi thấy chính sự đổ nát, không sao cứu trăm họ cho khắp được, đành dâng biểu cáo quan, lại xin lui về Côn Sơn. Việc ấy là vào năm Thiệu Bình thứ sáu (1438).



**Nguyễn Trãi – Vụ án vườn vải :** Nguyễn Trãi có người vợ trẻ tên là Nguyễn Thị Lộ, người Tây Hồ ngoài thành Đông Kinh (Hà Nội). Nàng là người có nhan sắc, nết na, lại nổi danh về tài văn học nên Nguyễn Trãi đặc biệt yêu dấu. Lê Thái Tông khi đến tuổi trưởng thành mến tiếng sai vời vào cung, cho làm Lễ nghi nữ học sĩ, luôn cho đi theo bên mình và thường đem nhiều việc ra bàn bạc với nàng.

Năm Đạo Bảo thứ nhất, Nguyễn Thị Anh, vợ thứ tư của Lê Thái Tông sinh con trai là Bang Cơ. Thái Tông bèn tước ngôi Đông cung Thái tử của con trai người vợ trước, lập Bang Cơ lên thay. Cũng trong năm đó, vợ thứ năm của vua, Ngô Thị Ngọc Dao có mang. Nguyễn hi (Thị Anh) sợ Ngọc Dao sinh quý tử thì Bang Cơ con mình có thể mất quyền nối ngôi báu, mới cùng một số quyền thần vu cáo hãm hại. Lê Thái Tông tin theo bắt tội đi đày. Thấy việc oan trái, Nguyễn Trãi bảo nữ học sĩ:

– Ngô phi tội tình gì mà hoàng thượng đối đãi như vậy. Chẳng qua là Nguyễn phi quá lo xa đến ngôi Đông cung nên mới có sự ấy. Nàng hãy tìm cách giải bày với hoàng thượng gỡ oan cho người ngay.

Nguyễn Thị Lộ vâng lời, nhân lúc vua bàn chuyện, mới chen vào che chở cho Ngọc Dao. Thái Tông nể vì, đổi tội đi đày đem giam lỏng Ngô phi ở chùa Huy Văn (gần Văn Miếu, Hà Nội). Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ thương tình, thường sai người ngấm mang thức ăn đến cho. Sau thấy ở đấy khó yên, lại tìm cách đưa Ngọc Dao ra ở lẫn trong dân chúng ngoài trấn An Bang (Quảng Ninh). Đến kỳ sinh nở, Ngọc Dao sinh con trai tên là Tư Thành. Việc ấy đến tai bà Nguyễn phi. Bà này giận lắm nhưng nén lòng chờ dịp báo thù.



Hai năm sau, năm Đại Bảo thứ 3 (1442), Lê Thái Tông rời Đông Kinh ngự giá đi duyệt võ ở Chí Linh (Hải Hưng). Tiễn đường, vua ghé lại vãn cảnh Côn Sơn, nhân thể qua thăm vị khai quốc công thần. Nguyễn Trãi cung kính đón rước xa giá theo đúng lễ vua tôi. Thấy vị lão thần đầu tóc bạc phơ mà tinh thần còn quắc thước, vua ướm hỏi:

– Khanh có nghĩ đến tôn xã mà tạm rời chốn suối rừng, ra gánh vác việc triều chính?

Nguyễn Trãi trả lời:

– Chỉ sợ thánh thượng không dùng. Trãi này dầu chết dám rời lòng son.

Vua Thái Tông rất đẹp lòng bèn cho nhận chức cũ, lại gia phong làm Tham tri cai quản quân dân Đông, Bắc hai đạo. Nguyễn Trãi vái lạy nhận mệnh. Các trung thần và Lễ nghi nữ học sĩ đi theo hộ giá đều đến chúc mừng. Sau đó, vua rời xa giá lên đường. Nguyễn Trãi theo xe loan đưa tiễn mấy dặm, vua truyền bảo mấy lần, mới chịu lui về, sửa soạn lên kinh nhậm chức.

Đọc đường, vua dừng xe nghỉ đêm ở Lệ Chi viên, tục gọi là Trại Vải, làng Đại Lai, lộ Bắc Giang (Hà Bắc). Thành linh nửa đêm vua bạo bệnh băng hà. Các quan hộ giá và Nguyễn Thị Lộ mật rước thi hài vua về kinh. Tin dữ ấy loan ra. Triều đình lập Đông cung thái tử Bang Cơ lên nối ngôi, tức vua Lê Nhân Tông. Bấy giờ, Nhân Tông mới hai tuổi. Bà Nguyễn phi làm Hoàng Thái hậu, trông nom việc nước thay con. Bọn quyền thần theo bà tức khắc cho bắt Nguyễn Thị Lộ đưa đến Đình Cúc kết tội giết vua. Nữ học sĩ ngày đêm bị tra khảo tàn nhẫn. Thái hậu Nguyễn Thị Anh ngồi sau rèm sai hình quan trước sau chỉ hỏi:

– Có phải mày dâng thuốc độc cho đức vua? Nguyễn Trãi chủ mưu xui mày có phải không?

Nguyễn Thị Lộ không chịu nổi nhục hình, đành nhận xằng vậ. Thế là Thái hậu bèn truyền chỉ cho các lực sĩ hỏa tốc về Côn Sơn tróc nã Nguyễn Trãi đóng cũi giải về. Lực sĩ gươm tuốt trần điệu Nguyễn Trãi đến trước sân đình. Lũ quyền thần theo lệnh của Thái hậu được dịp hùa nhau luận tội:

– Cứ xét theo thường điển, kẻ chủ mưu thì nghịch thiên tử tất ghép tội giết cả ba họ, tước hết tước quyền, tịch biên gia sản. Nay nạn nước mới dẹp yên, kỷ cương chính sự mới lập, bọn loạn thần hãy còn nhấp nhóm ngấp nghé nên phải nghiêm trị để làm răn!

Hai quan hoạn Đinh Phúc, Đinh Thăng vốn là tay chân của Lê Sát, Lê Văn nên chẳng ưa gì Nguyễn Trãi nhưng thấy việc hồ đồ như vậy, cũng không nín được, buột miệng bảo nhau:

– Trời không có mắt để quan hành khiển mắc oan!

Chẳng ngờ, Thái hậu nghe tiếng bèn khếp tội tử hình, sai giết luôn để thị oai. Các quan trong triều còn có lòng trung nghĩa biết không thể cời oan cho Nguyễn Trãi, đành nuốt hận bó tay. Lúc sắp bị chém, Nguyễn Trãi ứa nước mắt, ngửa mặt lên trời kêu lớn: – Con xin chấp tay lạy thày, lạy cha. Chẳng may con mắc oan nên thày, cha phải chịu nhục lây, mà con cháu cũng bị tàn hại. Lòng này xin trời đất soi xét.

Đoạn, ung dung chịu chết. Ai nghe thấy đều thương xót không cầm được nước mắt.

Sau này, con bà Ngô phi Ngọc Dao lên làm vua, tức vua Lê Thánh Tông, biết rõ tấm lòng trung nghĩa ngay thẳng của Nguyễn Trãi có khen rằng:

– Lòng Úc Trai sáng tựa sao Khuê!

Rồi thương ông vô tội, Thánh Tông bèn xuống chiếu rửa oan, truy tặng ông làm Thái sư Tuệ quốc công và cấp cho con cháu một trăm mẫu ruộng để dùng vào việc thờ cúng.